

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ SỐ

Nguyễn Thị Hải Hà

Tóm tắt: Phát triển kinh tế số và xã hội số là mục tiêu mà Việt Nam đang hướng tới. Để đạt được mục tiêu này Việt Nam cần thực hiện nhiều giải pháp liên quan đến phát triển hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, hoàn thiện thể chế,... Bài viết giới thiệu và gợi ý mô hình đánh giá hiệu quả quản lý của Nhà nước trong nền kinh tế số nhằm góp phần nâng cao chất lượng quản lý nhà nước.

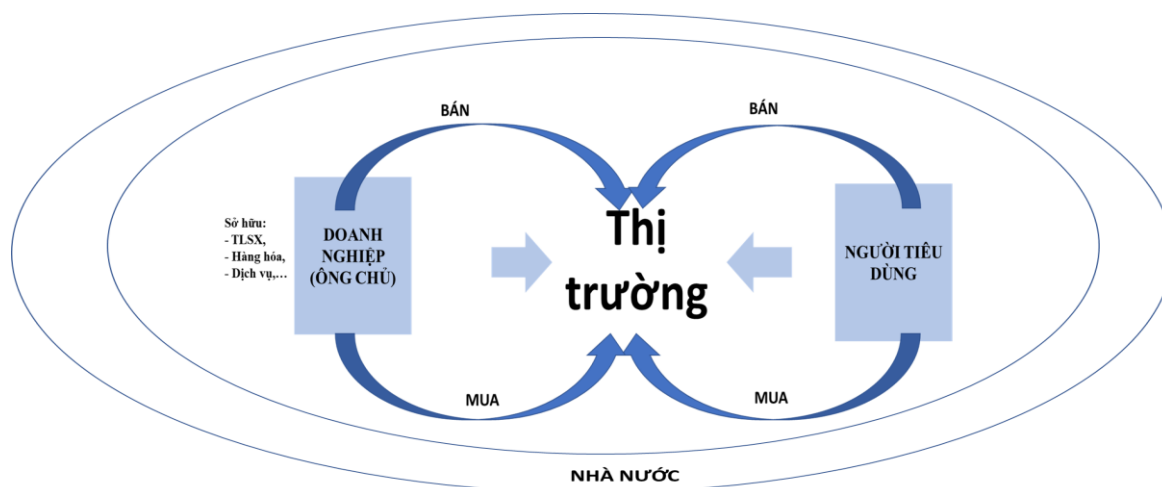
Từ khóa: Kinh tế số; Kinh tế chia sẻ; Mô hình lăng kính hiệu suất; Tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước.

Đặt vấn đề

Hiện nay, ở Việt Nam đã có nhiều bộ chỉ số để đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước trên một số khía cạnh, như chỉ số cải cách hành chính (PAR index), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số đánh giá sự hài lòng của người dân và tổ chức đối với việc cung cấp dịch vụ hành chính công (SIPAS), bộ chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI),... Tuy nhiên, chưa có hệ thống tiêu chí đánh giá quản lý nhà nước, đặc biệt là quản lý nhà nước đối với kinh tế số. Có thể nói, quản lý nhà nước đối với kinh tế

số phức tạp hơn quản lý nhà nước đối với nền kinh tế truyền thống do sự đa dạng, phức tạp trong phương thức kinh doanh dẫn đến khó khăn trong tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, quản lý thuế, bảo mật dữ liệu thông tin, người lao động. Thông qua việc tìm hiểu các mô hình đánh giá hiệu suất hoạt động hiện đang được áp dụng, tác giả đề xuất sử dụng mô hình đánh giá lăng kính hiệu suất (Performance Prism) được Andy Neely và cộng sự phát triển năm 2001 vào đánh giá quản lý nhà nước trong nền kinh tế số.

HÌNH 1. PHƯƠNG THỨC KINH DOANH CỦA NỀN KINH TẾ TRUYỀN THỐNG

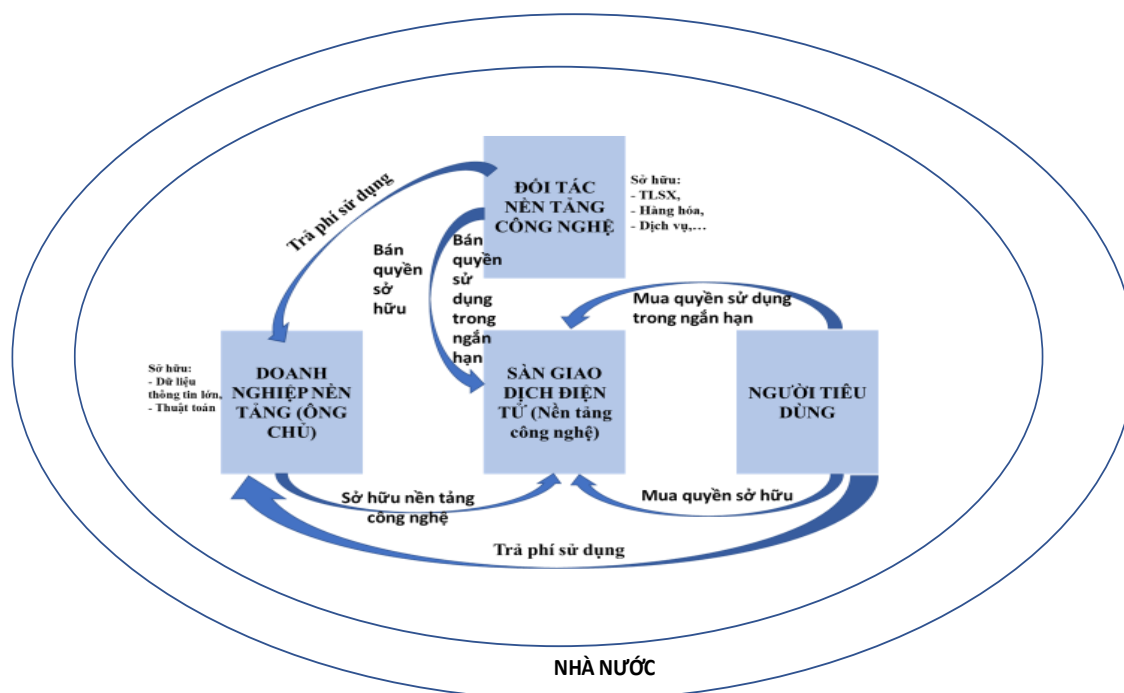


Nguồn: Tác giả tổng hợp

Trong các cách đo lường trước đây đều không đo lường mối quan hệ, sự tác động qua lại giữa các bên liên quan và tổ chức được đo lường (Andy Nely, 2001), ví dụ như mô hình thẻ điểm cân bằng tập trung vào 4 khía cạnh là tài chính, khách hàng, quy trình nội bộ, học tập và phát triển hay mô hình hệ thống đo lường

hiệu suất tích hợp chỉ tập trung vào sự toàn vẹn và sự triển khai của tổ chức. Cách đo lường này đã không còn phù hợp với những thay đổi trong nền kinh tế, khi có rất nhiều mô hình kinh doanh mới ra đời dựa trên sự phát triển của công nghệ thông tin và được gọi là kinh tế số.

HÌNH 2. PHƯƠNG THỨC KINH DOANH TRONG KINH TẾ SỐ



Nguồn: Tác giả tổng hợp

Trong kinh tế truyền thống, nguồn lực của nền kinh tế là đất đai, tài nguyên, lao động, vốn, công nghệ và đi cùng đó là quyền sở hữu và các giao dịch được thực hiện dựa trên thị trường với sự tham gia của người bán và người mua. Tuy nhiên, trong kinh tế số, cùng với các nguồn lực truyền thống thì dữ liệu thông tin đã trở thành một nguồn lực quan trọng, đi kèm với đó là hạ tầng thông tin. Phương thức vận hành sản xuất, kinh doanh cũng thay đổi nhờ vào số hóa, internet và trí tuệ nhân tạo. Các bên tham gia giao dịch trong kinh tế số không chỉ là mối quan hệ hai bên (người bán và người mua như kinh tế truyền thống) mà còn có sự tham gia của đối

tác nền tảng công nghệ - mối quan hệ nhiều bên. Quan hệ sở hữu thay đổi khi “ông chủ” – công ty nền tảng công nghệ - không phải là chủ sở hữu tài sản; người lao động – đối tác của nền tảng công nghệ - là chủ sở hữu tài sản. Vì vậy, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của các bên cũng khó được đảm bảo hơn do có một bên yếu thế hơn trong giao dịch (đối tác của nền tảng công nghệ). Hoạt động của kinh tế số diễn ra trên môi trường mạng đã xóa nhòa khoảng cách, đường biên giới, do vậy, cũng khó kiểm soát và xác định chính xác bản chất các giao dịch. Môi trường mạng đã tạo ra mạng lưới, các cộng đồng rộng lớn và tăng mức độ phụ thuộc lẫn nhau.

Chính những thay đổi này dẫn đến nhu cầu cần có một cách đo lường toàn diện hơn để đánh giá tác động của các bên liên quan đến hiệu quả của tổ chức, chiến lược, quá trình thực hiện chiến lược và năng lực của tổ chức được xác định và thực hiện như thế nào để có được sự hài lòng của các bên.

Mô hình lăng kính hiệu suất cho phép đánh giá toàn diện tác động, ảnh hưởng của các bên liên quan trong hoạt động của một tổ chức, chiến lược, quá trình thực hiện và năng lực của một tổ chức. Mô hình lăng kính hiệu suất được phát triển nhằm giải quyết thiếu sót mà nhiều khung đo lường hiệu quả hoạt động truyền thống chưa đề cập đến, đó là đánh giá tác động của các bên liên quan đến hiệu quả hoạt động của tổ chức. Mô hình lăng kính hiệu suất chủ yếu được áp dụng ở khu vực tư như công ty DHL UK – công ty chuyển phát nhanh DHL tại Vương quốc Anh; Liên hiệp Thanh niên Luân Đôn – một tổ chức từ thiện gồm 460 câu lạc bộ, nhóm và dự án thanh niên; Chuỗi cửa hàng bán lẻ House of Fraser... Tuy nhiên, tác giả đề xuất sử dụng mô hình này để đánh giá quản lý nhà nước trong kinh tế số vì mô hình này giúp đánh giá được toàn diện khi xác định được các bên có liên quan là ai, họ muốn gì và cần gì; Nhà nước cần đưa ra chiến lược, chính sách nào để thỏa mãn và hài lòng các bên liên quan; Nhà nước cần có quy trình (quá trình thực hiện) như thế nào để các chiến lược, chính sách được thực hiện hiệu quả và Nhà nước cần có năng lực như thế nào để vận hành và nâng cao quy trình đó. Theo tác giả, sử dụng mô hình lăng kính hiệu suất để đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước phù hợp với nền kinh tế số mà Việt Nam đang hướng đến vì mô hình này cho phép đo lường toàn diện khi các hoạt động ban hành chính sách, thực thi chính sách, tổ chức bộ máy và thanh, kiểm tra việc thực hiện chính sách được đặt trong bối cảnh lấy sự hài lòng và tác động của các bên liên quan làm trung tâm.

Bài viết có mục tiêu làm rõ: Hoạt động quản lý nhà nước là gì? Tại sao nó quan trọng (để thuyết phục người đọc tại sao cần nghiên cứu).

Tại sao mô hình đánh giá lăng kính hiệu suất (Performance Prism) lại phù hợp để xây dựng cho Việt Nam?

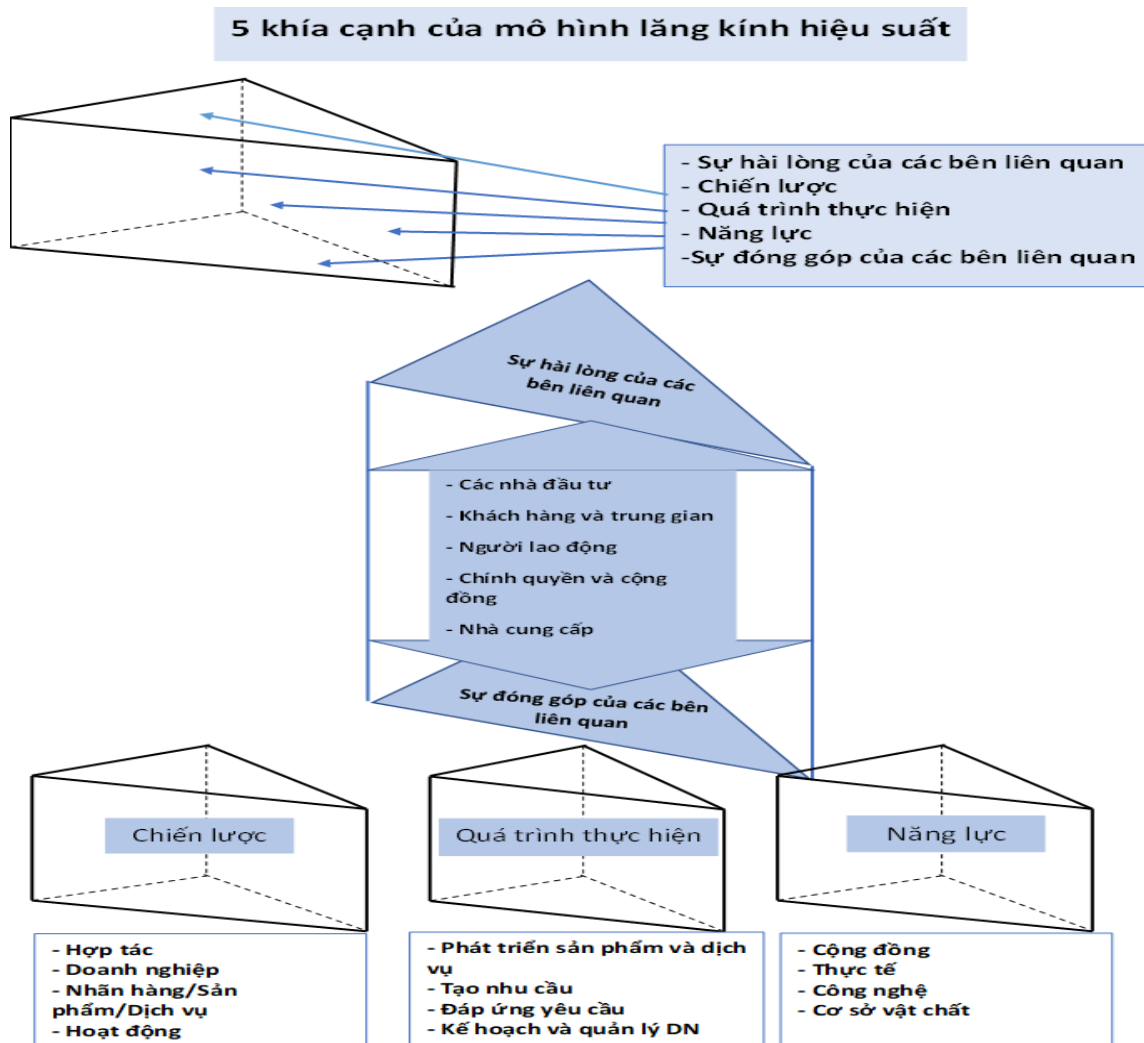
1. Lý thuyết về mô hình lăng kính hiệu suất

Mô hình lăng kính hiệu suất với định hướng toàn diện về các bên liên quan, khuyến khích các nhà điều hành xem xét mong muốn và nhu cầu của tất cả các bên của tổ chức cũng như các chiến lược, quá trình thực hiện và năng lực của tổ chức trong một thể thống nhất, thay vì là những phần riêng lẻ. Điểm khác biệt nổi bật của lăng kính hiệu suất là một khuôn khổ đo lường toàn diện, cho phép một tổ chức xác định các bên liên quan đến hiệu suất và thành công của tổ chức.

Theo lý thuyết về mô hình lăng kính hiệu suất, hiệu suất hoạt động của một tổ chức là sự kết hợp của 5 khía cạnh. Khía cạnh đầu tiên là sự hài lòng của các bên liên quan cốt lõi. Để đánh giá được tiêu chí này cần xác định được các bên liên quan cốt lõi là những ai, họ muốn gì và cần gì? Khía cạnh thứ hai là các chiến lược, tức là các chiến lược để đáp ứng mong muốn của các bên liên quan cốt lõi. Khía cạnh thứ ba chính là quy trình thực hiện. Các quy trình để thực hiện chiến lược nhằm đáp ứng mong muốn của các bên liên quan cốt lõi. Khía cạnh thứ tư là năng lực cần có của tổ chức nhằm thực hiện quy trình. Năng lực là sự kết hợp của con người, thực tiễn, công nghệ và cơ sở hạ tầng để cùng thực hiện quy trình nhằm hoàn thành chiến lược. Khía cạnh thứ năm là sự đóng góp của các bên liên quan cốt lõi. Khía cạnh này đòi hỏi các bên liên quan cũng phải mang lại các giá trị cho tổ chức trong môi quan hệ hữu cơ.

Dưới đây là mô hình lăng kính hiệu suất do Andy Neely (2001) đề xuất.

HÌNH 3. MÔ HÌNH LĂNG KÍNH HIỆU SUẤT



Nguồn: Andy Neely và cộng sự, 2001

2. Kinh tế số của Việt Nam

Quy mô nền kinh tế số của Việt Nam theo đánh giá trong báo cáo về E-economy sea 2022 (Google, 2022) ước tính tổng giá trị giao dịch năm 2022 đạt 23 tỷ USD, tăng lên 49 tỷ USD vào năm 2025 và đạt từ 120 – 200 tỷ USD vào năm 2030. Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế số của Việt Nam cũng được đánh giá cao hơn các nước trong khu vực Đông Nam Á là Malayxia, Thái Lan, Indonesia, Philipine và Singapore. Theo đánh giá của Bộ Thông tin và Truyền thông, tỷ trọng của kinh tế số trong GDP của Việt Nam năm 2022 ước tính khoảng 14% (Lương Bằng, 2022). Theo đánh giá của

Google (2022), sự tăng trưởng mạnh mẽ của kinh tế số đến từ khu vực thương mại điện tử (chỉ số CAGR tăng 26% năm 2022), du lịch trực tuyến (chỉ số CAGR tăng 153% năm 2022) và vận tải và thực phẩm (chỉ số CAGR tăng 17% năm 2022). Là một mô hình kinh doanh thuộc kinh tế số, mô hình kinh tế chia sẻ khá đa dạng và phổ biến trên các lĩnh vực như vận tải, không gian, tài chính và kỹ năng, công việc ở Việt Nam, đặc biệt là lĩnh vực vận tải và giao đồ ăn, chỉ số CAGR của dịch vụ vận tải và giao đồ ăn tăng 35% từ 2019 đến 2021, và CAGR của 2021 đến 2022 là 17%. Theo

Cục Cạnh tranh bảo vệ người tiêu dùng (Bộ Công Thương) doanh thu của các doanh nghiệp (DN) trong thị trường xe công nghệ của VN khoảng 2,4 tỉ USD, tương đương khoảng 57 nghìn 200 tỷ VNĐ vào năm 2021. Trong lĩnh vực lưu trú, tính đến hết 2019, đã có hơn 40.000 chủ nhà niêm yết trên Airbnb (Bùi Nhật Quang, 2021). Qua một vài con số, có thể thấy, mô hình kinh tế chia sẻ cũng có những đóng góp quan trọng trong gia tăng quy mô nền kinh tế số của Việt Nam.

Trong Nghị quyết của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định mục tiêu đến năm 2025, tỷ trọng nền kinh tế số chiếm 20% GDP, đến năm 2030 kinh tế số chiếm khoảng 30% (Bộ Chính trị, 2019). Để đạt được mục tiêu trên, Nghị quyết và sau đó là trong Văn kiện Đại hội Đảng XIII đã chỉ ra những giải pháp Việt Nam cần thực hiện như cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, phát triển các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp trên nền tảng ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu của khoa học - công nghệ; tiếp tục hoàn thiện toàn diện, đồng bộ pháp luật, cơ chế,... để phát triển kinh tế số, xã hội số.

Để thực hiện chủ trương của Đảng về chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được ban hành với mục tiêu phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, hình thành các DN công nghệ số có năng lực vươn ra thế giới. Dữ liệu số lớn, hạ tầng thông tin, thể chế, an ninh mạng, niềm tin.

Có thể nói, các cơ quan quản lý nhà nước đã và đang thực hiện việc chuyển đổi số và phát triển kinh tế số. Sau khi Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Các bộ, ban, ngành đã cụ thể hóa các nhiệm vụ thực hiện Chiến lược như rà soát, sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho các mô hình

kinh doanh mới hoạt động như các sàn giao dịch điện tử, mạng xã hội, dịch vụ thương mại điện tử, xây dựng các nền tảng số về: địa chỉ số, bản đồ số, an toàn thông tin mạng, tổng hợp và phân tích dữ liệu quốc gia, ...; các văn bản quy phạm pháp luật như Luật Giao dịch điện tử, khung pháp lý thử nghiệm và có kiểm soát về công nghệ số;... Một số những thành công trong chuyển đổi số như việc vận hành cổng dữ liệu quốc gia đã giúp người dân và doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin và đăng ký các thủ tục hành chính trực tuyến; các bộ, ngành và địa phương ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, triển khai cổng dữ liệu mở để phục vụ phát triển chính phủ điện tử nhằm hướng tới chính phủ số.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã đưa ra hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số (Thông tư 13/2021/TT-BKHĐT của Bộ kế hoạch và Đầu tư ngày 31/12/2021). Doanh thu dịch vụ nền tảng số và kinh doanh trực tuyến được đưa vào là một chỉ tiêu trong thống kê quốc gia theo quy định của Luật Thống kê 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê. Việc có quy định về thu thập, tổng hợp số liệu về kinh tế số sẽ giúp đánh giá được vị trí, quy mô của ngành này trong nền kinh tế quốc dân và từ đó giúp Nhà nước có căn cứ để đưa ra các chính sách quản lý.

3. Ứng dụng mô hình lăng kính hiệu suất vào đánh giá quản lý nhà nước đối với mô hình kinh tế chia sẻ - một mô hình kinh doanh trong kinh tế số

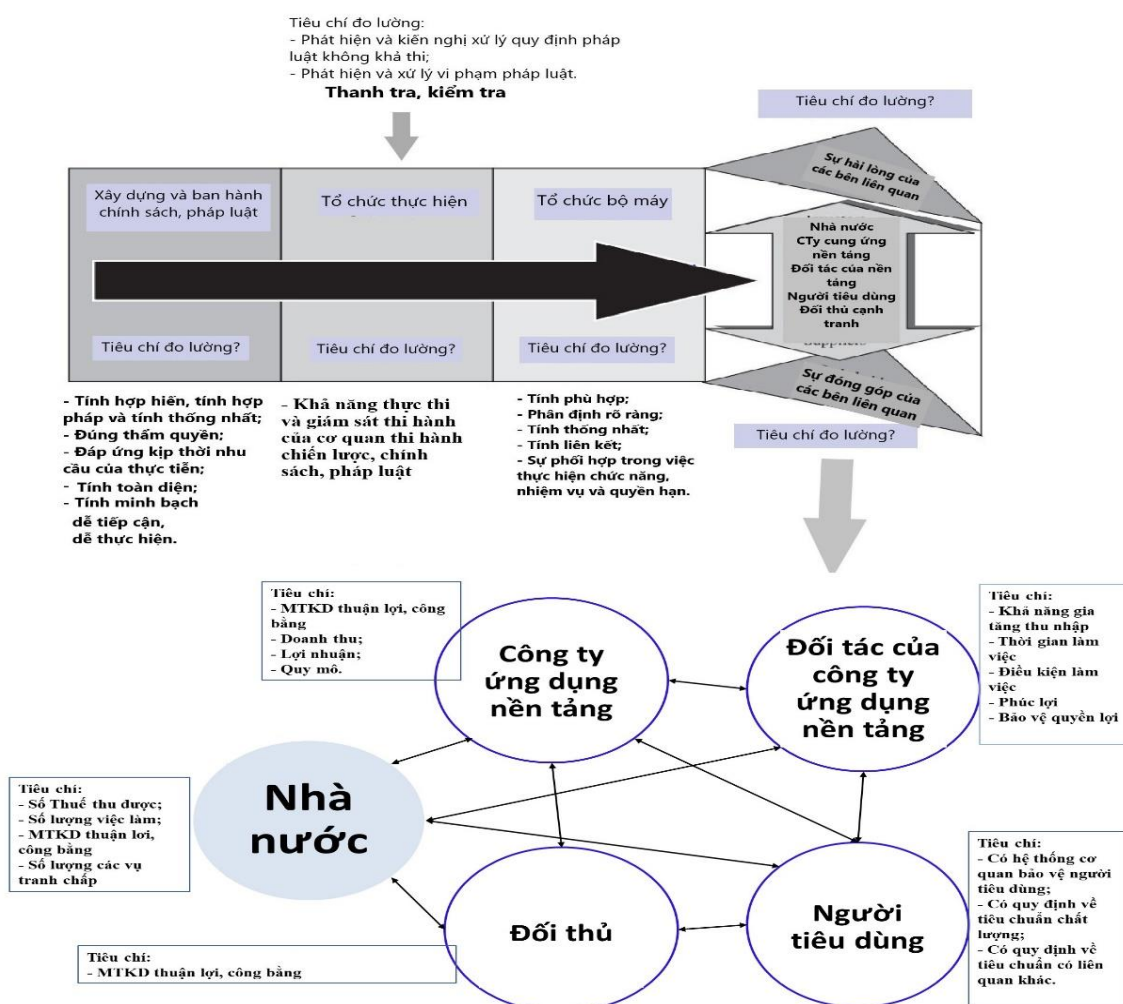
Việt Nam đã thực hiện những bước đi đầu tiên nhằm đạt được mục tiêu về phát triển kinh tế số và xã hội số. Để có căn cứ đánh giá nhằm hoàn thiện quản lý nhà nước đối với kinh tế số cần phải có bộ tiêu chí để đánh giá. Tuy nhiên, kinh tế số gồm rất nhiều nội dung và rất nhiều mô hình kinh doanh có ứng dụng nền tảng trên môi trường mạng. Do vậy, người viết chỉ đề xuất bộ tiêu chí cho đánh giá quản lý nhà nước đối với mô hình kinh tế chia sẻ - một mô hình kinh doanh trong kinh tế số vì mô hình này

đang phát triển tại Việt Nam trong lĩnh vực lưu trú, vận tải, giao nhận đồ ăn với các đại diện tiêu biểu như Airbnb, Uber (trước đây), Grab, Be, Gojeck, Beamin.

Mô hình kinh tế chia sẻ là một mô hình kinh doanh mới hình thành nhờ áp dụng thành tựu công nghệ thông tin, mô hình này dựa vào internet để tạo ra mạng lưới ngang hàng, dựa vào công nghệ định vị để khớp nối cung và cầu thời gian theo thời gian thực. Hoạt động của mô hình này cũng gây nhiều tranh cãi ở

các nước do những tác động của nó đến hoạt động của các mô hình kinh doanh truyền thống. Tuy nhiên, mô hình này lại nhận được sự ủng hộ của người tiêu dùng vì chi phí thấp và sự tiện lợi mà nó mang lại. Ngoài ra, đứng ở góc độ xã hội thì mô hình kinh tế chia sẻ có thể đem lại nhiều lợi ích như giảm thất nghiệp, giảm chi phí vận hành, tăng cường tiêu dùng bền vững và giúp lan tỏa ứng dụng công nghệ sang mô hình kinh doanh truyền thống.

HÌNH 4. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI MÔ HÌNH KINH TẾ CHIA SẺ



Nguồn: Tác giả đề xuất dựa trên mô hình lăng kính hiệu suất của Andy Neely

Giải thích: Các mũi tên trong hình vẽ trên thể hiện sự tác động qua lại và ảnh hưởng của các bên với nhau và đều ở cùng cấp.

Kinh tế chia sẻ xuất hiện ở Việt Nam từ cuối năm 2013 và là một mô hình kinh doanh rất phát triển trong những năm gần đây. Nhà nước cũng đã ban hành chính sách và các quy định pháp luật để quản lý mô hình này. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa có sự đánh giá quản lý nhà nước đối với mô hình này. Do vậy, tác giả đề xuất áp dụng mô hình lăng kính hiệu suất để đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước đối với mô hình kinh tế chia sẻ.

Đối với việc quản lý mô hình kinh tế chia sẻ, tác giả xác định các bên liên quan gồm: (1) Nhà nước, (2) công ty ứng dụng nền tảng trong cung cấp hàng hóa/dịch vụ, (3) đối tác của nền tảng (là những cá nhân hoặc tổ chức sử dụng nền tảng công nghệ nhằm chia sẻ việc sử dụng ngắn hạn hàng hóa hay dịch vụ do mình sở hữu), (4) người tiêu dùng và (5) đối thủ cạnh tranh.

Tác giả nhận thấy, đứng ở góc độ Nhà nước, Nhà nước thực hiện việc quản lý nền kinh tế để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế, thu nhập, dân trí và chăm sóc y tế của người dân được nâng cao để từ đó xã hội ổn định và phát triển. Do vậy, trong việc quản lý một ngành, hay một lĩnh vực nào đó thì những tiêu chí quan trọng để xác định hiệu quả quản lý chính là tăng trưởng về quy mô của ngành hay lĩnh vực đó, đóng góp của ngành hay lĩnh vực đó vào tăng trưởng GDP. Đứng ở góc độ đối tượng và khách thể của quản lý thì môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng; quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ được bảo đảm, có sự tăng trưởng của ngành hay lĩnh vực hàng năm. Với việc áp dụng mô hình lăng kính hiệu suất, tác giả đề xuất các tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước đối với mô hình kinh tế chia sẻ tại Hình 4.

3.1. Tiêu chí đánh giá sự hài lòng và sự đóng góp của các bên liên quan

Sự đóng góp của các bên như trên đã đề cập tác động đến sự hài lòng của các bên liên quan. Nhà nước quản lý bằng chính sách, pháp luật, bộ máy thực thi,... Nếu một trong những

công cụ đó có vấn đề, tác động không tốt đến môi trường kinh doanh, những đối tượng chịu ảnh hưởng sẽ phản hồi để Nhà nước thay đổi, từ đó giúp Nhà nước sử dụng các công cụ quản lý hiệu quả hơn. Các công ty theo mô hình kinh tế chia sẻ cũng như các công ty kinh doanh truyền thống phát huy được thế mạnh, mở rộng quy mô, đóng thuế nhiều hơn, hạn chế những điểm yếu trong mô hình kinh doanh của mình phụ thuộc vào chính sách và môi trường kinh doanh do Nhà nước tạo ra.

Đối với Nhà nước

Đóng góp vào tăng trưởng GDP thông qua số thuế nộp vào ngân sách. Một công ty khi hoạt động sẽ phải nộp các khoản thuế như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế tài nguyên và các loại thuế khác. Tuy nhiên, chỉ có thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế được tính dựa trên kết quả kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Tác giả đề xuất tiêu chí để đo lường về số thuế nộp vào ngân sách nhà nước sẽ là thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty kinh tế chia sẻ.

Số lượng việc làm do công ty ứng dụng nền tảng cung cấp trên thị trường lao động. Lao động là một trong những yếu tố thuộc hàm tăng trưởng. Số lượng việc làm tăng hay giảm hàng năm phụ thuộc vào chính sách việc làm của Nhà nước mà chính sách việc làm lại có mối quan hệ hữu cơ với các chính sách khác, trong đó có chính sách kinh tế.

Môi trường kinh doanh thuận lợi, công bằng: Tiêu chí này được xác định thông qua các chỉ tiêu cụ thể về: (i) điều kiện kinh doanh, hành nghề; (ii) việc tiếp cận nguồn lực; chính sách hỗ trợ; (iii) chính sách bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; (iv) quy định mức thuế công bằng cho những doanh nghiệp, doanh nhân và người lao động trong cùng một lĩnh vực, ngành nghề.

Mức độ thuận lợi được xác định bằng thời gian và chi phí để thực hiện các quy định bởi các doanh nghiệp, các đối tác và người lao

động. Mức độ công bằng được xác định bằng mức độ áp dụng các quy định cho hai mô hình kinh doanh.

Số lượng các vụ kiện tranh chấp giữa công ty ứng dụng nền tảng và công ty kinh doanh theo mô hình truyền thống. Công ty ứng dụng nền tảng hoạt động theo mô hình kinh doanh mới nên tránh được nhiều quy định hiện đang được áp dụng cho các công ty kinh doanh theo mô hình truyền thống (Ádám Osztoivits và cộng sự, 2015, Min Jung Kim, 2017). Điều này làm nảy sinh các mâu thuẫn và dẫn đến các vụ kiện tranh chấp giữa hai mô hình kinh doanh. Do vậy, tiêu chí về số lượng các vụ kiện tranh chấp sẽ cho thấy năng lực trong việc xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật để điều chỉnh các mâu thuẫn hay các quan hệ mới phát sinh trong nền kinh tế.

Đối với công ty ứng dụng nền tảng

Môi trường kinh doanh thuận lợi và công bằng.

Doanh thu của công ty ứng dụng nền tảng.

Lợi nhuận của công ty ứng dụng nền tảng.

Quy mô của công ty ứng dụng nền tảng. Quy mô của công ty ứng dụng nền tảng được xác định qua thị trường và mạng lưới do công ty ứng dụng nền tảng tạo ra. Do vậy, chỉ số để xác định quy mô của công ty ứng dụng nền tảng là mức độ chiếm lĩnh thị trường, số lượng đối tác và người tiêu dùng của nền tảng. Càng nhiều người tham gia nền tảng thì mạng lưới và thị trường của nền tảng càng tăng (Nesta, 2016).

Đối với đối tác của công ty ứng dụng nền tảng

Khả năng gia tăng thu nhập của các đối tác của công ty ứng dụng nền tảng. Công ty ứng dụng nền tảng có thể kêu gọi được nhiều người tham gia mang lại khả năng kiếm thêm thu nhập từ mô hình kinh doanh này (Alexandrea Ravenelle, 2017).

Thời gian làm việc, điều kiện làm việc và phúc lợi: thời gian làm việc của đối tác đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; điều kiện làm việc phải được đảm bảo theo tiêu chuẩn làm việc của công việc đó; phúc lợi là những hỗ trợ đối tác được hưởng theo quy định của pháp luật.

Bảo vệ quyền lợi của đối tác: những quyền lợi hợp pháp của đối tác được các tổ chức, cơ quan có trách nhiệm đảm bảo.

Đối với đối thủ cạnh tranh

Môi trường kinh doanh thuận lợi, công bằng.

Đối với người tiêu dùng

Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng. Các chỉ tiêu để đo lường mức độ bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng là có hệ thống cơ quan bảo vệ người tiêu dùng, có quy định về tiêu chuẩn chất lượng, có quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật và có các quy định tiêu chuẩn liên quan khác.

3.2. Tiêu chí đánh giá hoạt động ban hành chiến lược, chính sách, pháp luật về mô hình kinh tế chia sẻ

Việc đánh giá hoạt động ban hành và thực thi chiến lược, chính sách, pháp luật chính là xác định chiến lược, chính sách, pháp luật được ban hành có khả thi hay không. Tính khả thi của một văn bản phụ thuộc vào các chỉ tiêu về sự phù hợp với thực tiễn, sự rõ ràng và cụ thể của văn bản, sự toàn diện về các biện pháp, sự hợp lý của các chế tài so với yêu cầu giải quyết vấn đề, có cơ chế bảo đảm thực thi tức là xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trình tự, thủ tục thực hiện văn bản, tính hợp pháp của văn bản (Phan Trung Hiền và cộng sự, 2014). Kết hợp với các nguyên tắc về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tác giả đề xuất các tiêu chí sau để đo lường hoạt động xây dựng, ban hành và thực thi chiến lược, chính sách, pháp luật của mô hình kinh tế chia sẻ:

Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của chiến lược, chính sách, pháp luật về mô hình kinh tế chia sẻ trong hệ thống các chiến lược, chính sách, pháp luật;

Tính đúng thẩm quyền, đúng hình thức, đúng trình tự, đúng thủ tục trong việc ban hành chiến lược, chính sách, pháp luật về mô hình kinh tế chia sẻ;

Tính đáp ứng kịp thời nhu cầu của thực tiễn của chiến lược, chính sách, pháp luật về mô hình kinh tế chia sẻ;

Tính minh bạch, dễ tiếp cận, dễ thực hiện của chiến lược, chính sách, pháp luật về mô hình kinh tế chia sẻ.

Tính toàn diện về biện pháp thực hiện, về cơ chế thực thi của chiến lược, chính sách, pháp luật về mô hình kinh tế chia sẻ.

3.3. Tiêu chí đánh giá hoạt động tổ chức thực hiện quản lý đối với mô hình kinh tế chia sẻ

Tiêu chí này sẽ bao gồm tiêu chí đánh giá hoạt động thực thi và tiêu chí đánh giá hoạt động thanh tra, kiểm tra.

Tiêu chí đánh giá hoạt động thực thi:

Để đánh giá hoạt động thực thi chiến lược, chính sách, pháp luật thì cần đánh giá được khả năng thực thi và giám sát thi hành của cơ quan thi hành chiến lược, chính sách, pháp luật. Cụ thể là, các cơ quan thực thi phải thực hiện thực thi chiến lược, chính sách, pháp luật về mô hình kinh tế chia sẻ một cách nghiêm túc tức là có kế hoạch triển khai; bố trí nhân sự; nguồn lực tài chính để triển khai; tổ chức tuyên truyền, phổ biến chiến lược, chính sách, pháp luật về mô hình kinh tế chia sẻ.

Sau khi triển khai chiến lược, chính sách, pháp luật về mô hình kinh tế chia sẻ thì các cơ quan quản lý phải thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thi hành chiến lược, chính sách, pháp luật đó. Khi phát hiện vi phạm thì phải xem xét, đánh giá và xử lý vi phạm. Ngoài ra, cơ quan quản lý cũng có trách nhiệm

phát hiện những điểm bất hợp lý trong quá trình thực thi chiến lược, chính sách, pháp luật quản lý mô hình kinh tế chia sẻ để từ đó đưa ra đề xuất sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện chiến lược, chính sách, pháp luật quản lý mô hình kinh tế chia sẻ.

Tiêu chí để đánh giá hiệu quả của hoạt động thanh tra, kiểm tra gồm các chỉ tiêu:

Phát hiện và xử lý về sự bất hợp lý, không khả thi của các quy định pháp luật để từ đó hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước đối với mô hình kinh tế chia sẻ;

Phát hiện và xử lý kịp thời các vụ vi phạm pháp luật về quản lý đối với mô hình kinh tế chia sẻ.

3.4. Tiêu chí đánh giá về tổ chức bộ máy quản lý mô hình kinh tế chia sẻ

Tiêu chí để đo lường hiệu quả của tổ chức bộ máy quản lý kinh tế chia sẻ là tính phù hợp, phân định rõ ràng, tính thống nhất, tính liên kết và tính phối hợp trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn.

Tính phù hợp đó là việc xem xét nhiệm vụ của bộ máy quản lý các công ty mô hình kinh tế chia sẻ có phù hợp với chức năng, quyền hạn của cơ quan đó hay không.

Tính phân định rõ ràng là việc xem xét nhiệm vụ của bộ máy quản lý các công ty mô hình kinh tế chia sẻ có được chia ra và xác định rõ ràng hay không. Việc chia và xác định rõ ràng nhiệm vụ sẽ không làm xuất hiện tình trạng chồng chéo về chức năng và nhiệm vụ giữa các cơ quan quản lý.

Tính thống nhất là việc xem xét nhiệm vụ của bộ máy quản lý có được xem xét trong tổng thể và được đặt trong sự điều hành, quản lý chung của Nhà nước.

Tính liên kết là việc xem xét nhiệm vụ của bộ máy quản lý có được kết nối với nhau trong sự điều hành, quản lý chung của Nhà nước.

Tính phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ của bộ máy quản lý.

Kết luận

Việc đưa ra bộ tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước rất quan trọng. Để đánh giá hiệu quả quản lý nhà nước có thể dựa vào nhiều tiêu chí khác nhau như dựa trên các yếu tố đầu vào, dựa trên kết quả đầu ra, dựa trên tác động của các quyết định quản lý, dựa vào quá trình thực thi,... Việc dựa vào tiêu chí nào để đánh giá hiệu quả hoạt động phụ thuộc vào quan điểm của Nhà nước cũng như mục tiêu của mỗi thời kỳ. Bộ tiêu chí tác giả đưa ra gồm bốn tiêu chí trụ cột và trong đó có 30 tiêu chí thành phần. Tuy nhiên, trong 30 tiêu chí này có tiêu chí định lượng nhưng

cũng có tiêu chí định tính. Theo tác giả, đối với những tiêu chí định tính như tiêu chí đánh giá hoạt động ban hành chiến lược, chính sách, pháp luật về mô hình kinh tế chia sẻ thì cần xác định quy trình chuẩn để từ đó đánh giá xem hoạt động đó đã thực hiện đúng quy trình hay không. Để bộ tiêu chí này có thể áp dụng được trên thực tế thì cần được tiếp tục nghiên cứu và thí điểm ở một mô hình kinh tế chia sẻ cụ thể. Có thể nghiên cứu này còn nhiều thiếu sót nhưng tác giả mong muốn đưa ra một vài gợi ý về chính sách nhằm nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước.

Tài liệu tham khảo

1. Andy Neely, Paul Crowe, Chris Adam (2001). *The performance prism in practice*. < (PDF) The performance prism in practice (researchgate.net)>, truy cập ngày 3/5/2021.
2. Alexandra Ravenelle (2016). *Sharing economy workers: selling, not sharing*. Truy cập ngày 30/11/2020, https://www.researchgate.net/publication/318506605_Sharing_economy_workers_Selling_not_sharing.
3. Ádám Osztovits, Árpád Kőszegi, Bence Nagy, Bence Damjanovics (2015). "Sharing or paring? Growth of the sharing economy", truy cập ngày 30/11/2020, <<https://www.pwc.com/hu/en/kiadvanyok/assets/pdf/sharing-economy-en.pdf>>
4. Bộ Chính trị (2019). *Nghị quyết 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, truy cập ngày 17/02/2023, Nghị quyết 52-NQ/TW 2019 chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (thuvienphapluat.vn).
5. Bùi Nhật Quang (2021). *Đánh giá tác động xã hội của mô hình kinh tế chia sẻ tại Việt Nam*. Đề tài cấp Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội.
6. Google, Temasek và Bain & Company (2022). *E-conomy sea 2022, e-Conomy SEA 2022 report* - Google (economysea.withgoogle.com).
7. Lương Bằng (2022). *Dữ liệu số sẽ tạo ra những động lực và giá trị tăng trưởng mới*. Báo Vietnamnet, truy cập ngày 17/02/2023, Tỷ trọng kinh tế số trên GDP của Việt Nam năm 2022 khoảng 14% (vietnamnet.vn)
8. Min Jung Kim (2017). *Government policy for the State Growth of the Sharing Economy*. Truy cập ngày 30/11/2020, <<http://hdl.handle.net/10419/200884>>.
9. Nesta (2016). *Blockchain powers a personal data revolution*. Truy cập ngày 30/11/2020, <<https://www.nesta.org.uk/feature/10-predictions-2017/blockchain-powers-a-personal-data-revolution/#sthash.Zrk8XChJ.dpuf>>
10. Phan Trung Hiền, Nguyễn Thị Mỹ Tiên (2014). *Tính khả thi của văn bản quy phạm pháp luật và đề xuất các giải pháp*. Truy cập tại <<http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208179>>, (30/11/2020).

Thông tin tác giả:

1. Nguyễn Thị Hải Hà, ThS.

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Nội vụ Hà Nội.

- Địa chỉ email: haihanguyenvn@gmail.com

Ngày nhận bài: 20/2/2023

Ngày nhận bản sửa: 27/4/2023

Ngày duyệt đăng: 16/5/2023